TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 03 - 2023
V/v ly hôn giữa bà T và ông B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Phạm Văn Lịch.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 7, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn B, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm Q, xã HQ, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Phạm Văn B đăng ký kết hôn ngày 02/11/2017 tại UBND xã HQ, huyện H. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng ở nhà riêng của ông B tại xóm Q, xã HQ. Đến tháng 04/2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, nguyên nhân do ông B có tính cách gia trưởng nên vợ chồng bất đồng quan điểm, đến tháng 09/2019 bà bỏ về nhà mẹ đẻ tại xóm 7, xã HL ở; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Phạm Văn B trình bày: Ông thống nhất với bà T về quá trình kết hôn, về thời điểm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và ly thân. Ông B còn trình bày, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm về việc bà T yêu cầu ông tách đất cho bà T từ thửa đất có nguồn gốc là tài sản của ông và vợ cũ (đã chết) nên từ tháng 09/2019, bà T tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Ông đã nhiều lần đi tìm về nhưng bà T không về nhà. Nay bà T làm đơn xin ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm không còn.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ: Vợ chồng không có nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn B. Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Phạm Văn B vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất nhưng đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/11/2017 tại UBND xã HQ, huyện H, tỉnh Nam Định nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà riêng của ông B tại xóm Q, xã HQ, huyện H. Trong quá trình chung sống do vợ chồng có bất đồng về kinh tế nên đã xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 09/2019, bà T bỏ về nhà mẹ đẻ tại xóm 7, xã HL ở và vợ chồng sống ly thân. Đến nay bà T xin ly hôn, ông B cũng đồng ý. Xét thấy bà T và ông B đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2019 đến nay, nay cả hai bên đều xác định không còn tình cảm và cùng có yêu cầu xin ly hôn do đó cần giải quyết cho ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn B thống nhất xác định vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn B.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006543 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã HQ;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng:

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên